|  |
| --- |
| TIỂU ĐOÀN 18  **ĐẠI ĐỘI 1**  **KẾ HOẠCH**  **THÔNG QUA GIÁO ÁN**  **HUẤN LUYỆN CHUYÊN NGÀNH THÔNG TIN**  **Bài: Tính năng các máy vô tuyến điện được biên chế (Máy VRP-712/S)**  **Ngày ..... tháng ….. năm 2024** |
| *Ngày tháng năm 2024*  **PHÊ DUYỆT**  **CỦA TIỂU ĐOÀN TRƯỞNG**  **1. Phê duyệt kế hoạch:**  **THÔNG QUA GIÁO ÁN**  **HUẤN LUYỆN CHUYÊN NGÀNH THÔNG TIN**  **Bài: Tính năng các máy vô tuyến điện được biên chế (Máy VRP-712/S).**  Của: Đ/c Hồ Hồng Phong – Đại úy – Đại đội trưởng – Đại đội 1.  **2. Địa điểm phê duyệt:**  Tại:…………………………………………………………………………….  **3. Nội dung phê duyệt:**  a) Phần nội dung kế hoạch  …………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………  b) Phần thực hành thông qua  …………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………  **4. Kết luận:**  …………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………  **TIỂU ĐOÀN TRƯỞNG**  **Trung tá Nguyễn Trung Hiếu**  TIỂU ĐOÀN 18  **ĐẠI ĐỘI 1**  **KẾ HOẠCH**  **THÔNG QUA GIÁO ÁN**  **HUẤN LUYỆN CHUYÊN NGÀNH THÔNG TIN**  **Năm 2024** |

**Phần một**

**Ý ĐỊNH THÔNG QUA**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

**A. Mục đích**

Nhằm thống nhất về nội dung, tổ chức và phương pháp huấn luyện kỹ thuật chuyên ngành thông tin. Làm cơ sở để cán bộ huấn luyện hoàn chỉnh, thục luyện giáo án và huấn luyện bảo đảm thống nhất có chất lượng cho đơn vị.

**B. Yêu cầu**

- Tập trung trong buổi thông qua

- Chấp hành nghiêm kỷ luật, bảo đảm tác phong

- Nắm nội dung huấn luyện và kết luận của chỉ huy

**II. NỘI DUNG**

1. Thông qua phần ý định của bài.

2. Thông qua thực hành huấn luyện

**III. THỜI GIAN**

- Thời gian thông qua: 02 giờ 30 phút

- Thời gian thông qua phần ý định huấn luyện: 30 phút

- Thời gian thông qua phần thực hành huấn luyện: 01 giờ 30 phút

- Thời gian nhận xét kết thúc buổi thông qua, triển khai công việc tiếp theo: 30 phút

**IV. TỔ CHỨC – PHƯƠNG PHÁP**

**1. Tổ chức:**

- Thành một bộ phận để thông qua.

**2. Phương pháp:**

Phần ý định huấn luyện sử dụng phương pháp báo cáo.

Giảng thử: Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện

**V. THÀNH PHẦN**

Cán bộ thông qua: Đại đội trưởng, Chính trị viên.

Cán bộ được thông qua: Các Trung đội trưởng huấn luyện của đơn vị.

**VI. ĐỊA ĐIỂM**

.............................................................................................................................

**VII. BẢO ĐẢM.**

\* Đối với cán bộ thông qua.

- Kế hoạch thông qua đã được phê duyệt.

- Tài liệu.

+ Hướng dẫn tổ chức, phương án Thông qua giáo án – NXBQĐ năm 2018.

+ Tài liệu HLCNTT 2020 - BCTTLL

\* Đối với cán bộ được thông qua

- Giáo án.

- Tài liệu.

+ Giáo án huấn luyện

+ Giáo trình HLCNTT

- Vật chất: Tranh vẽ, giá treo.

**Phần hai**

**THỰC HÀNH THÔNG QUA**

**I. THỦ TỤC THAO TRƯỜNG**

1. Tập trung kiểm tra quân số, VKTB chỉnh đốn hàng ngũ báo cáo cấp trên

2. Quy định trật tự vệ sinh, bảo đảm an toàn.

- Quy định về đi lại, vệ sinh và bảo đảm an toàn

- Khi cần có thể phổ biến tình huống và cách xử lý

3. Quy định ký, tín hiệu thông qua.

- Dùng cờ, còi kết hợp khẩu lệnh để quy định.

**II. PHỔ BIẾN Ý ĐỊNH THÔNG QUA**

1. Nêu tên bài.

2. Mục đích, yêu cầu.

3. Nội dung.

4. Thời gian.

5. Tổ chức và phương pháp.

**III. THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG**

**1. Thông qua phần ý định huấn luyện bài**: **Tính năng các máy vô tuyến điện được biên chế (Máy VRP-712/S).**

- Thời gian: ……………………………………..……………………………

- Phương pháp: Báo cáo

- Chỉ định cán bộ ra thông qua nội dung: ……………………………………..

\* Nội dung cần tập trung thảo luận.

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

\* Duy trì thảo luận.

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

\* Tóm tắt, phân tích

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

\* Kết luận:

**Ý ĐỊNH HUẤN LUYỆN**

**I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

1. Mục đích

Nhằm huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ trong trung đội nắm chắc tính năng kỹ, chiến thuật; thành phần đồng bộ máy VTĐ VRP - 712/S làm cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ tại đơn vị và huấn luyện các nội dung tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Nắm chắc tính năng KCT máy VRP - 712/S .

- Biết cách khai thác, sử dụng và bảo quản máy VRP - 712/S .

**II. NỘI DUNG**

Tính năng kỹ, chiến thuật; thành phần đồng bộ máy VTĐ VRP - 712/S .

**III. THỜI GIAN**

Thời gian huấn luyện : ……………………………………..………………...

- Thời gian lên lớp: ……………………………………..…………………….

- Thời gian luyện tập: ……………………………………..…………………..

- Thời gian kiểm tra: ……………………………………..…………………..

**IV. TỔ CHỨC - PHƯƠNG PHÁP**

1. Tổ chức

a) Tổ chức đội hình lớp: Lấy đơn vị trung đội làm đội hình huấn luyện do trung đội trưởng trực tiếp huấn luyện.

b) Tổ chức ôn luyện: Lấy đơn vị tiểu đội làm đội hình luyện tập do các đ/c tiểu đội trưởng trực tiếp duy trì, trung đội trưởng theo dõi duy trì chung.

2. Phương pháp

a) Chuẩn bị huấn luyện

- Nghiên cứu tài liệu, đối tượng huấn luyện. Soạn thảo giáo án, thông qua giáo án và thục luyện giáo án.

- Bồi dưỡng cán bộ: Bồi dưỡng at về tổ chức và phương pháp điều hành tiểu đội, tổ đài luyện tập.

b) Thực hành huấn luyện

- Đối với trung đội trưởng: Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải, phân tích kết hợp với chỉ cụ thể trên mặt máy để giới thiệu từng nội dung.

- Đối với phân đội: Quan sát, lắng nghe kết hợp với giáo án rút gọn để nắm được các nội dung chính quan trọng.

**2. Thông qua thực hành huấn luyện bài**: **Tính năng các máy vô tuyến điện được biên chế (Máy VRP - 712/S).**

- Nội dung: ……………………………………………………………………

- Thời gian: .…………………………………….…………………………….

- Phương pháp: Giảng thử

- Chỉ định cán bộ ra thông qua nội dung: .…………………………………….

\* Nội dung cần tập trung thảo luận.

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

\* Duy trì thảo luận.

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

\* Tóm tắt, phân tích

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

\* Kết luận:

**THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN**

**I. THỦ TỤC HUẤN LUYỆN**

1. Tập trung trung đội, kiểm tra quân số,trang bị, báo cáo cấp trên (nếu có).

2. Quy định trật tự vệ sinhhội trường, an toàn, kỷ luật

- Quy định kỷ luật học tập.

- Quy định đi lại, nghỉ giải lao.

- Quy định vệ sinh.

3. Phổ biến ký, tín hiệu luyện tập

- Duy trì, điều hành thời gian huấn luyện do trực ban lớp học đảm nhiệm bằng 1 hồi còi và khẩu lệnh trực tiếp

4. Kiểm tra bài cũ

**II. HẠ KHOA MỤC**

1. Tên khoa mục, bài học: Tính năng kỹ, chiến thuật; thành phần đồng bộ; khai thác, sử dụng, bảo quản máy VTĐ VRP - 712/S.

2. Mục đích, yêu cầu.

3. Nội dung.

4. Thời gian.

5. Tổ chức, phương pháp.

6. Địa điểm, vật chất bảo đảm.

**III. THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN**

| **VĐHL**  **( Thời gian)** | **Nội dung** | **Tổ chức,**  **Phương pháp** |
| --- | --- | --- |
| **VĐHL 4**  ………. | **LÝ THUYẾT**  **MÁY ĐIỆN ĐÀI VTĐ VRP-712/S**  **1. Tính năng chiến thuật**  VRP-712/S là máy thu phát đa băng tần; phát triển theo hướng SDR.  Khai thác sử dụng dễ dàng.  Ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại (DSP, SMT, AES, 3DES, ALE-3G).  Công tác ở nhiều chế độ, nhiều dịch vụ, nhiều chức năng (cố định, nhảy tần, ALE, định vị GPS, điều khiển xa,...).  Khả năng phòng chống TCĐT tốt (mã mật, nhảy tần);  Trang bị chủ yếu ở cấp thuật (hoặc gắn trên xe thông tin cơ động, trang bị tại các trạm, tổng trạm thông tin các cấp).  **2. Tính năng kỹ thuật**  + Dải tần:  - HF: (1,5 ÷ 29,9999) MHz; giãn cách 100 Hz.  - VHF: (30,0 ÷ 87,975) MHz; giãn cách 25 KHz.  + Số kênh nhớ:  - Cả HF và VHF: 100 kênh (00 đến 99).  + Công suất phát:  - HF: 5W, 10W, 20 W.  - VHF: 2W, 5W, 10 W.  + Độ nhạy:  HF: 1,0 µV (USB, LSB); 0,5 µV (CW).  VHF: 0,35 µV (FM).  + Địa chỉ:  Địa chỉ đài: 100 (00 đến 99)  Địa chỉ gọi: 100 (00 đến 99)  Địa chỉ mạng: 128 (000 đến 127) ở VHF  Địa chỉ đơn ALE: 60 (100 đến 159)  Địa chỉ mạng ALE: 60 (300 đến 359)  + Chế độ:  HF: (giống VRS-631/S):  USB (Thoại đơn biên dải biên trên).  LSB (Thoại đơn biên dải biên dưới).  CW (Báo đẳng biên).  FIX (Mật, tần số cố định).  HOP-C (Rõ, nhảy tần).  HOP (Mật, nhảy tần).  VHF: (giống VRU-812/S, VRH-811):  FIX/C (Thoại rõ, tần số cố định).  FIX/S (Thoại mật, tần số cố định).  ECC/C (Thoại rõ, nhảy tần).  ECC/S (Thoại mật, nhảy tần).  VF1/S (Thoại mật, tần số cố định, mã AES 128).  VH1/S (Thoại mật, nhảy tần, mã AES 256).  + Mã thoại:  CVSD (16kbit/giây) và MELP (1200/2400 bit/giây).  + Nhảy tần:  Tốc độ nhảy:  + HF: 5, 10, 20 lần/giây.  + VHF: 500 lần/giây.  Băng thông:Điều chỉnh được, lên đến 512 kHz.  Số tần số tối đa: 256 tần số/bảng.  Số bảng tần số : 10 (có thể sửa).  + Truyền số liệu:  Tốc độ:  + HF: Tối đa 2400 bit/giây.  + VHF: Tối đa 19200 bit/giây.  Tin nhắn: Tối đa 200 ký tự (nạp từ máy tính).  + Nguồn cung cấp:  14,4 VDC (cấp bằng pin khô hoặc bộ nắn nạp).  + Các chức năng khác:  HF ALE-3G (CQA).  Truyền dữ liệu (có hoặc không có ARQ).  GPS; gửi nhận SMS (nạp từ máy tính).  Điều khiển xa: Đến 5,0 km.  Điều khiển xa IP qua kết nối Ethernet.  TGCT tự động ở VHF.  Xóa khẩn cấp thông số cấu hình.  + Anten và cự ly liên lạc:  HF:  Anten cần 2,0 m: Đến 20 km.  Anten chếch: Đến 200 km.  Anten 2 cực: Đến 500 km.  VHF:  Anten cần 0,7 m: Đến 3 km.  Anten cần 1,65 m: Đến 10 km.  Anten sóng chạy: Đến 20 km. | - Tổ chức: Lên lớp theo đội hình trung đội.  - Phương pháp:  Giáo viên đọc chậm từng nội dung để người học ghi, kết hợp phân tích làm rõ cho người học nắm. |

**IV. NHẬN XÉT KẾT THÚC BUỔI THÔNG QUA VÀ CHỈ THỊ NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN LÀM NGAY**

1. Hội ý chỉ huy

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

2. Nhận xét

\* Mạnh

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

\* Hạn chế

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

3. Chính trị viên triển khai nội dung CTĐ, CTCT trong huấn luyện

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………

4. Chỉ thị những công việc cần làm tiếp theo

- Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh giáo án: Từ ngày …. tháng …. năm 2024 đến ngày …. tháng …. năm 2024.

- Thời gian, địa điểm nộp giáo án. Tại phòng giao ban c: Lúc ........ ngày … tháng … năm 2024

- Thời gian thục luyện giáo án: Từ ngày …. tháng …. năm 2024 đến ngày …. tháng …. năm 2024.

- Thời gian hoàn thành mọi công tác chuẩn bị: Ngày …. tháng …. năm 2024.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG**  **Đại úy Hồ Hồng Phong** |